

Bản án số 06/2023/KDTM-PT

Ngày: 22/11/2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quế.

Các Thẩm phán: Ông Lê Quý My và ông Hoàng Quý Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thuý Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Quang Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh Thương mại thụ lý số: 04/2023/TLPT- KDTM ngày 06 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2023/KDTM-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 66/QĐPT-KDTM ngày 06 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (V1)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ trụ sở: Tầng A, 2 Tòa nhà S, số A P, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thành C - Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ - Trung tâm quản lý nợ Ngân hàng B1 - Khối ngân hàng V1 (văn bản ủy quyền số 107083.22 ngày 03/10/2022).

Người được ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Vũ Tiến B, ông Lê Trung K, ông Đinh Hoàng L, cán bộ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1.

Địa chỉ: Tầng D, tòa nhà C, số D T, quận Đ, thành phố Hà Nội (Theo giấy ủy quyền số 09224123 ngày 10/7/2023, ông K và ông L có mặt, ông B vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Việt T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1970 (vợ ông T);

Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

4. Người làm chứng: Ông Vũ Trọng S, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (viết tắt V1) trình bày: Ông Lê Việt T có vay vốn tại V1 - Phòng V1 theo Hợp đồng tín dụng số 0157CN/HĐTD/52/12 ngày 11/6/2012, số tiền vay 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng). Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên; mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng; Phương thức trả nợ: Trả nợ gốc vào cuối kỳ; trả nợ lãi: hàng tháng vào ngày 20. Lãi suất vay: 17,5%/năm, điều chỉnh thay đổi 03 tháng 01 lần bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh 03 tháng VND của V1 + lãi biên 3,5%/năm và điều chỉnh theo chính sách lãi của V1 tại mỗi thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi ký kết hợp đồng VIB đã giải ngân cho ông Lê Việt T 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông T là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 654, tờ bản đồ số 17, diện tích 152,3m² tại địa chỉ phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do UBND thành phố T cấp ngày 19/4/2011 cho ông Lê Việt T. Từ ngày 21/01/2013 ông Lê Việt T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho VIB nên toàn bộ khoản vay trên bị chuyển nợ quá hạn. Sau khi phát sinh nợ quá hạn VIB đã đơn đốc tạo điều kiện cho ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V1 tuy nhiên ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của V1. Do đó V1 khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Lê Việt T phải thanh toán số tiền còn chưa thanh toán và số tiền lãi phải trả, trong trường hợp ông Lê Việt T không thanh toán được khoản nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp. Trường hợp ông T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ đề nghị Tòa án tuyên VIB được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 654, tờ bản đồ số 17, diện tích 152,3m² tại địa chỉ phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND thành phố T cấp ngày 19/4/2011 cho ông Lê Việt T để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu hồi được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết cho khoản nợ thì đề nghị Tòa án tuyên ông Lê Việt T phải có nghĩa vụ trả nợ hết cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Lê Việt T trình bày: Năm 2012 gia đình ông có khó khăn kinh tế nên ông có gặp anh Vi Nghĩa H và anh Ngô Quang M ở Ngân hàng để vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), do ông mắt kém, không biết chữ nên ông có nhờ anh M làm các thủ tục hồ, sau đó anh M có gọi ông ra đường quốc lộ 1B để giao cho ông số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), còn số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) anh M xác định trừ tiền lãi một năm và các khoản lệ phí Ngân hàng. Hết năm đó gia đình chưa trả được nợ lại tiếp tục nhờ cán bộ Ngân hàng đáo hạn và tiếp tục nhờ vay thêm 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) nhưng sau đó được cán bộ Ngân hàng báo chỉ được vay thêm 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) lần vay này không có giấy tờ gì mà chỉ điểm chỉ, sau đó vài hôm thì được anh M gọi ông ra đường đưa 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), còn hồ sơ làm thế nào ông không biết vì bản thân bị quáng gà từ nhỏ nên không biết chữ, biết đọc. Một thời gian sau, Ngân hàng có đến làm việc yêu cầu thanh toán, gia đình xác định không vay số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) nên không chấp nhận trả, ông cũng có làm đơn trình báo đến cơ quan công an nhưng không được giải quyết, nếu Ngân hàng nhất trí trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông nhận trả số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) trong đó số tiền ông đã nhận là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) và 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) là tiền lãi còn toàn bộ số tiền như khởi kiện ông không nhất trí trả.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T1 trình bày: Bà chung sống với ông Lê Việt T từ năm 1998 đến năm 2013 bà và ông T mới đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố T. Bà không biết việc ông T vay nợ Ngân hàng. Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp là quyền sử dụng đất có nguồn gốc là của bố mẹ chồng cho, tài sản trên đất là của vợ chồng bà xây dựng từ năm 2008, bà nhất trí với quan điểm của ông T, không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/9/2020 ông Vi Nghĩa H trình bày: Ông xác định có ký Hợp đồng tín dụng số 0157CN/HĐTD/52/12 với tư cách bên cho vay, thời điểm đó ông giữ chức vụ Giám đốc Ngân hàng bán lẻ V1. Do ông làm giám đốc nên không trực tiếp giao dịch với khách hàng mà do nhân viên thực hiện hợp đồng trên, bản thân ông là bị cáo trong nhiều vụ án nên không nhớ chính xác được nội dung từng giao dịch, nay ông đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp để giải quyết yêu cầu của nguyên đơn.

Tại công văn số 702/CSKT ngày 14/6/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh T xác định: Ngày 13/11/2015, Cơ quan CSĐT (Phòng C1) Công an tỉnh T ra Bản kết luận điều tra số 60/KLĐT đối với vụ án “Lạm dụng chức vụ,

quyền hạn chiếm đoạt tài sản, Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động các tổ chức tín dụng xảy ra năm 2010 - 2012 tại V1, Chi nhánh T2” đề nghị truy tố bị can Vi Nghĩa H - Nguyên Giám đốc Phòng V1 về hành vi chiếm đoạt tài sản của V1, Chi nhánh T2. Trong các hồ sơ hợp đồng tín dụng của Cơ quan CSĐT giải quyết trong vụ án trên, không có hồ sơ tín dụng theo Hợp đồng tín dụng số 0157/CN/HĐTD/52/12 ngày 11/6/2012 của ông Lê Việt T.

Tại biên bản làm việc với đại diện UBND phường Đ ngày 13/3/2023 xác định: Năm 2010 - 2011 gia đình anh Lê Việt T thuộc hộ nghèo và không kinh doanh, buôn bán gì tại địa phương.

Tại bản Kết luận giám định số 634/KL-KTHS ngày 28/4/2023 của Phòng K1 công an tỉnh T kết luận “Chữ ký “*Thức*”, chữ viết “*Lê Việt T*” trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A6 so với chữ ký, chữ viết mang tên Lê Việt T trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 không phải do cùng một người viết, ký ra”.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên quan điểm khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi cho VIB tính đến ngày 31/7/2023 (ngày mở phiên tòa) với tổng số tiền là 2.174.372.894 đồng, trong đó: nợ gốc: 600.000.000 đồng; nợ lãi: 48.123.227 đồng, lãi quá hạn: 1.526.249.667 đồng. Buộc ông Lê Việt T tiếp tục trả cho Ngân hàng các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký đến ngày thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, đề nghị xử lý tài sản thế chấp khi ông Lê Việt T không thanh toán được khoản nợ. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không nhất trí yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên quan điểm trong trường hợp nguyên đơn nhất trí trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bị đơn nhất trí thanh toán số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), trường hợp không đồng ý trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T chỉ nhất trí trả số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) đã nhận.

Với nội dung nêu trên tại bản án số 04/2023/KDTM-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Các Điều 147, 227, 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 121, 122, 127, 129, khoản 1 Điều 137 Bộ luật dân sự 2005; Điều 94 và Điều 96 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q1 (V1) đối với ông Lê Việt T. Tuyên bố hợp đồng tín dụng số 0157CN/HĐTD/52/12 ngày 11/6/2012 vô hiệu.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Việt T trả cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Phương thức thanh toán: Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Bác yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q1 đối với ông Lê Việt T tính đến ngày 31/7/2023 phải trả số tiền 2.054.372.894đ (Hai tỷ, không trăm năm mươi tư triệu, ba trăm bảy mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi tư đồng). Trong đó: Tiền nợ gốc 480.000.000đ (bốn trăm tám mươi triệu đồng); Nợ lãi 48.123.227đ (bốn mươi tám triệu, một trăm hai mươi ba nghìn, hai trăm hai mươi bảy đồng); lãi quá hạn 1.526.249.667đ (một tỷ, năm trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

4. Bác yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q1 về việc thực hiện quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0157CN/HĐTC/52/12 ngày 11/6/2012 tại thửa đất số 654, tờ bản đồ số 17, diện tích 152,3m² tại địa chỉ phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 736714, số vào sổ cấp CH00222/CM do UBND thành phố T cấp ngày 19/4/2011 cho ông Lê Việt T.

5. Giành quyền cho Ngân hàng liên quan đến việc giả mạo chữ ký trong Hợp đồng tín dụng 0157CN/HĐTD/52/12 ngày 11/6/2012; Khế ước nhận nợ số 0157CN/KUNN/52 ngày 13/6/2012; Giấy rút tiền ngày 13/6/2012; Phiếu chi số BTVLT7425/14 ngày 13/6/2012 để chiếm đoạt tiền số tiền theo Hợp đồng tín dụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

6. Giành quyền khởi kiện cho ông Lê Việt T đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất 0157CN/HĐTC/52/12 ngày 11/6/2012 ở vụ kiện dân sự khác.

7. Về án phí: Ngân hàng TMCP Q1 phải chịu 73.087.458 đồng án phí kinh doanh thương mại. Được trừ 28.665.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002156 ngày 24/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, Ngân hàng TMCP Q1 còn phải nộp số tiền 44.422.457đ (Bốn mươi bốn triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm năm mươi bảy đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Việt T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/7/2023 Ngân hàng có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của V1 vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo hợp đồng tín dụng được giao kết giữa Ngân hàng với ông Lê Việt T thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự có quy định tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Trong vụ án này ông T không có đăng ký kinh doanh, không có mục đích lợi nhuận, do vậy phải xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về kháng cáo của Ngân hàng thì thấy rằng: Ngày 11/6/2012 ông Lê Việt T và VIB phòng giao dịch V1, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên có ký kết Hợp đồng tín dụng số 0157CN/HĐTD/52/12. Theo đó V1 cho ông T vay số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng), tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mang tên ông T. V1 đã giải ngân số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) cho ông T theo khế ước nhận nợ ngày 13/6/2012 (BL 74), Giấy rút tiền ngày 13/6/2012 (BL 85) và Phiếu chi số BTVLT7425/14 ngày 13/6/2012 (BL 211) có đầy đủ chữ ký của ông T, tuy nhiên bị đơn ông T luôn khẳng định do mắt kém nên mọi thủ tục do cán bộ Ngân hàng làm, việc làm hồ sơ như thế nào ông không biết vì bản thân ông bị quáng gà từ bé nên không biết chữ nhiều và không biết đọc. Toà án cấp sơ thẩm đã trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết Lê Việt T. Tại Kết luận giám định số 634/KL-KTHS ngày 28/4/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận: *“Chữ ký “Thực”, chữ viết “Lê Việt T” trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A6 so với chữ ký, chữ viết mang tên Lê Việt T trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 không phải do cùng một người viết, ký ra”*. Do vậy đây là hợp đồng vô hiệu, tuy nhiên không có đương sự nào yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, nhưng căn cứ vào hướng dẫn tại điểm 8 mục III công văn số 196/TANDTC-PC ngày 03/10/2023 của Toà án nhân dân tối cao thì cấp sơ thẩm tuyên đây là hợp đồng vô hiệu là có căn cứ. Toà án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của V1 và ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Việt T trả cho V1 số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) là đúng vì ông T không nhận tiền từ phía Ngân hàng mà nhận tiền từ chỗ ông M đưa cho, các giấy tờ nhận tiền ký từ phía Ngân hàng đều là giả chữ ký, chữ viết của ông T.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Ngân hàng là có căn cứ, tuy nhiên cấp sơ thẩm tuyên mức án phí của vụ án kinh doanh thương mại là không đúng mà phải tuyên mức án phí của vụ án dân sự mặc dù tiền án phí của 2 loại án này giống nhau, mặt khác thu tiền tạm ứng án phí của V1 2.000.000đ (hai triệu đồng) đối với vụ án kinh doanh thương mại là chưa chính xác, phải xác định mức tiền tạm ứng án phí của vụ án dân sự, do vậy VIB chỉ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí của vụ án dân sự mới đúng, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (V1). Sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (V1) đối với ông Lê Việt T. Hợp đồng tín dụng số 0157CN/HĐTD/52/12 ngày 11/6/2012 vô hiệu.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Việt T trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 số tiền là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng). Phương thức thanh toán: Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Bác yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (V1) đối với ông Lê Việt T tính đến ngày 31/7/2023 phải trả số tiền 2.054.372.894đ (hai tỷ, không trăm năm mươi tư triệu, ba trăm bảy mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi tư đồng). Trong đó: Tiền nợ gốc 480.000.000đ (bốn trăm tám mươi triệu đồng); Nợ lãi 48.123.227đ (bốn mươi tám triệu, một trăm hai mươi ba nghìn, hai trăm hai mươi bảy đồng); lãi quá hạn 1.526.249.667đ (một tỷ, năm trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

4. Bác yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (V1) về việc thực hiện quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử

dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0157CN/HĐTC/52/12 ngày 11/6/2012 tại thửa đất số 654, tờ bản đồ số 17, diện tích 152,3m² tại địa chỉ phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 736714, số vào sổ cấp CH00222/CM do UBND thành phố T cấp ngày 19/4/2011 cho ông Lê Việt T.

5. Giành quyền cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (V1) có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết liên quan đến việc giả mạo chữ ký trong Hợp đồng tín dụng 0157CN/HĐTD/52/12 ngày 11/6/2012; Khế ước nhận nợ số 0157CN/KUNN/52 ngày 13/6/2012; Giấy rút tiền ngày 13/6/2012; Phiếu chi số BTVLT7425/14 ngày 13/6/2012 để chiếm đoạt số tiền theo Hợp đồng tín dụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng.

6. Giành quyền khởi kiện cho ông Lê Việt T đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0157CN/HĐTC/52/12 ngày 11/6/2012 bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

7. Về án phí:

7.1. Về án phí sơ thẩm:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (V1) phải chịu 73.087.458đ (bảy mươi ba triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn, bốn trăm năm mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ 28.665.000đ (hai mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002156 ngày 24/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (V1) còn phải nộp số tiền 44.422.457đ (bốn mươi bốn triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm năm mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Việt T.

7.2. Về án phí phúc thẩm:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (V1) không phải chịu án phí phúc thẩm. Được trả lại 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000458 ngày 22/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quế

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Quý S1 – L

Nguyễn Văn Q

